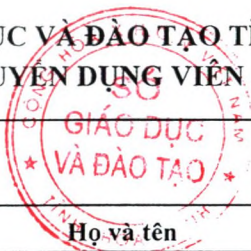


SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2023



KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2023

Phòng số: 1

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	ĐUT	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0001	Hoàng Thị Ánh Dương	12/09/1995	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-NTLUS				Bỏ thi
2	0002	Lương Thị Hào	29/07/1987	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-NTLUS		44.00	44.00	
3	0003	Đỗ Thị Liên	13/03/1999	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-NTLUS				Bỏ thi
4	0004	Lê Thị Bích Ngọc	29/05/1995	Nữ	Thổ	2	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TB	GV VAN-NTLUS	5.00	74.00	79.00	
5	0005	Nguyễn Văn Sự	17/03/1995	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-NTLUS				Bỏ thi
6	0006	Hà Thị Thu Trang	10/02/2000	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-NTLUS				Bỏ thi
7	0007	Hoàng Trung Anh	04/11/1994	Nữ	Mường	2	ĐH	Giáo dục thể chất	Khá	GV GDTC-NTLUS	5.00	40.00	45.00	
8	0008	Bùi Trường Dương	26/01/2001	Nam	Mường	2	ĐH	Giáo dục thể chất	Khá	GV GDTC-NTLUS	5.00	35.00	40.00	
9	0009	Đỗ Anh Quang	03/09/1991	Nam	Kinh		ĐH	SP TD Thể thao	Khá	GV GDTC-NTLUS		50.00	50.00	
10	0010	Nguyễn Thị Hải Uyên	12/09/1994	Nữ	Kinh		Th.S	Giáo dục học		GV GDTC-NTLUS		66.00	66.00	
11	0011	Sùng Y Lăng	18/03/1994	Nữ	H'Mông	2	ĐH	Sư phạm Địa Lý	Khá	GV ĐỊA-NTBMC	5.00	60.00	65.00	
12	0012	Hàng Thị Thùy Dung	26/08/1999	Nữ	H'Mông	2	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	GV ANH-NTBMC	5.00	52.50	57.50	
13	0013	Nguyễn Lan Anh	28/07/1990	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV LICH SU-NTBMC	5.00	52.50	57.50	
14	0014	Bùi Thị Ngọc Đợi	03/06/2001	Nữ	Mường	2	ĐH	Giáo dục thể chất	Giỏi	GV GDTC-NTKB	5.00	40.00	45.00	
15	0015	Nguyễn Thị Hường	02/12/1987	Nữ	Kinh		ĐH	Giáo dục thể chất	TBK	GV GDTC-NTKB		43.50	43.50	
16	0016	Lê Hải Yến	19/05/2001	Nữ	Mường	2	ĐH	Giáo dục thể chất	Khá	GV GDTC-NTKB	5.00	65.00	70.00	
17	0017	Bùi Thế Anh	25/02/2001	Nam	Mường	2	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-NTNS	5.00	43.00	48.00	
18	0018	Bùi Thị Hải	06/03/1996	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Địa lí	Khá	GV ĐỊA-NTNS	5.00	32.00	37.00	
19	0019	Bùi Thị Lộc	01/05/1991	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-NTNS	5.00	66.50	71.50	
20	0020	Bùi Thị Thúy Hường	08/01/2001	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	GV SINH-NTYT	5.00	44.00	49.00	
21	0021	Bùi Minh Nguyệt	09/12/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	GV SINH-NTYT		70.00	70.00	

Nguyễn

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2023

KẾT QUẢ PHỎNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2023

Phòng số:

1

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	ĐUT	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0022	Đinh Thị Bích Thủy	26/04/1998	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm sinh học	Khá	GV SINH-NTYT				Bỏ thi
23	0023	Bùi Thị Đào	16/08/1992	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Địa lý	Giỏi	GV ĐỊA-NTLAS	5.00	54.00	59.00	
24	0024	Bùi Thị Cẩm Vân	17/10/1989	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-NTLAS	5.00	69.00	74.00	
25	0025	Bùi Thị Mai	07/06/1986	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Địa lý	TBK	GV ĐỊA-THPTTL		54.00	54.00	
26	0026	Bùi Thành Chung	19/07/2001	Nam	Mường	2	ĐH	Giáo dục thể chất	Khá	GV GDTC-THPTBS	5.00	21.50	26.50	
27	0027	Bùi Văn Cương	27/11/1995	Nam	Mường	2	ĐH	Giáo dục thể chất	Khá	GV GDTC-THPTBS	5.00	70.00	75.00	
28	0028	Nguyễn Thị Lan	27/01/1993	Nữ	Tày	2	ĐH	Giáo dục thể chất	Giỏi	GV GDTC-THPTBS	5.00	42.50	47.50	
29	0029	Bùi Tiên Hoàng	27/06/1993	Nam	Mường	2	ĐH	Giáo dục chính trị	Khá	GV GDTC-THPTLAS	5.00	10.00	15.00	
30	0030	Bùi Văn Hợp	21/03/1993	Nam	Mường	2	ĐH	Giáo dục chính trị	TB	GV GDTC-THPTLAS	5.00	60.00	65.00	
31	0031	Hà Thị Linh	27/03/1999	Nữ	Mường	2	ĐH	Giáo dục chính trị	Khá	GV GDTC-THPTLAS	5.00	31.00	36.00	
32	0032	Lê Mai Phương	10/10/2000	Nữ	Kinh		ĐH	Giáo dục chính trị	Khá	GV GDTC-THPTLAS		42.50	42.50	
33	0033	Nguyễn Thị Mai	22/01/1991	Nữ	Mường	2	ĐH	SP Thể dục thể thao	Khá	GV GDTC-THPTLAS	5.00	20.00	25.00	
34	0034	Bùi Văn Tý	07/09/1992	Nam	Mường	2	ĐH	Giáo dục thể chất	TBK	GV GDTC-THPTLAS	5.00	66.00	71.00	

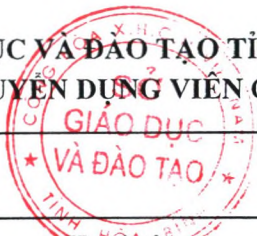
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2023

KẾT QUẢ PHỎNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2023

Phòng số: 2

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	ĐUT	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0035	Nguyễn Thị Ánh	26/10/1997	Nữ	Kinh		ĐH	Ngôn ngữ Anh	Khá	GV ANH-THPTLUS		61.00	61.00	
2	0036	Nguyễn Thị Thu Hà	28/06/1980	Nữ	Kinh		ĐH	Tiếng anh sư phạm	TBK	GV ANH-THPTLUS		31.00	31.00	
3	0037	Lê Thị Điền	23/09/1982	Nữ	Kinh		ĐH	SP KT Công Nghiệp	Giỏi	GV KY THUAT-THPTNLS		50.50	50.50	
4	0038	Trần Huyền Ánh	11/09/2000	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV LICH SU-THPTTL	5.00	85.50	90.50	
5	0039	Bùi Văn Chiến	28/12/1988	Nam	Mường	2	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Giỏi	GV LICH SU-THPTTL	5.00	50.50	55.50	
6	0040	Lê Thị Hoài	11/11/1989	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GVTOAN-THPTĐK		51.50	51.50	
7	0041	Lương Ngọc Huyền	04/09/1999	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Giỏi	GVTOAN-THPTĐK		60.00	60.00	
8	0042	Ninh Thị Trang	01/03/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GVTOAN-THPTĐK		40.00	40.00	
9	0043	Nguyễn Bảo Uyên	30/05/2001	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GVTOAN-THPTĐK		25.00	25.00	
10	0044	Quách Hương Uyên	01/01/2000	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GVTOAN-THPTĐK	5.00	51.00	56.00	
11	0045	Bùi Thanh Luân	12/07/1989	Nam	Mường	2	ĐH	Giáo dục thể chất	Khá	GV GDTC-THPTCH	5.00	51.00	56.00	
12	0046	Lê Thanh Phương	20/11/2001	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Tiếng anh	Khá	GV ANH-THPTĐĐ		61.00	61.00	
13	0047	Bùi Trung Lập	18/03/1990	Nam	Mường	2	ĐH	Giáo dục thể chất	Khá	GV GDTC-THPTĐĐ	5.00	65.00	70.00	
14	0048	Nguyễn Thị Ngân	03/07/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Giáo dục thể chất	Khá	GV GDTC-THPTĐĐ		73.00	73.00	
15	0049	Bùi Chí Thọ	28/05/2000	Nam	Mường	2	ĐH	Giáo dục thể chất	Khá	GV GDTC-THPTĐĐ	5.00	28.50	33.50	
16	0050	Lê Thị Minh Bắc	06/11/1989	Nữ	Kinh		ĐH	SP Toán học	Khá	GVTOAN-THPTLV		66.00	66.00	
17	0051	Vũ Thị Nga	10/06/1989	Nữ	Kinh		ĐH	SP Toán học	Khá	GVTOAN-THPTLV		57.00	57.00	
18	0052	Nguyễn Thị Nhớ	10/06/1990	Nữ	Kinh	2	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GVTOAN-THPTMB	5.00	45.00	50.00	
19	0053	Đỗ Viết Tiến	23/11/1999	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GVTOAN-THPTMB		45.00	45.00	
20	0054	Nguyễn Thị Thanh Tân	24/03/1993	Nữ	Kinh		ĐH	SP Tiếng Anh	Khá	GV ANH-THPTMB		50.00	50.00	
21	0055	Hoàng Thị Huệ	02/11/1988	Nữ	Nùng	2	Th.S	LL PP dạy học		GV VAN-THPTMC	5.00			Bỏ thi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2023



KẾT QUẢ PHỎNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2023

Phòng số: 2

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	ĐUT	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0056	Hà Thị Diệu Thùy	09/12/2001	Nữ	Thái	2	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-THPTMC	5.00	41.50	46.50	
23	0057	Sùng A Di	17/02/1994	Nam	H'Mông	2	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-THPTMC	5.00	75.00	80.00	
24	0058	Bế Thị Chiêm	07/10/1989	Nữ	Tày	2	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPTMC B	5.00	71.00	76.00	
25	0059	Mai Thị Thu	02/11/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPTMC B		54.00	54.00	
26	0060	Ngân Thị Thắm	21/10/1996	Nữ	Thái	2	ĐH	Sư phạm Địa Lý	Khá	GV ĐỊA-THPTMC B	5.00	81.50	86.50	
27	0061	Bùi Đình Hoàng	25/01/2001	Nam	Mường	2	ĐH	Giáo dục thể chất	Khá	GV GDTC-THPTMC B	5.00	54.00	59.00	
28	0062	Hà Văn Quỳnh	07/01/1989	Nam	Thái	2	ĐH	Giáo dục Thể chất	Giỏi	GV GDTC-THPTMC B	5.00	45.50	50.50	
29	0063	Nguyễn Hà Mi	28/08/2001	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-THPTMC	5.00	76.00	81.00	
30	0064	Lý Thị Nga	09/12/1995	Nữ	Dao	2	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPTMC	5.00	45.00	50.00	
31	0065	Nguyễn Phương Thảo	16/03/2001	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV LICH SU-THPTĐB	5.00	50.00	55.00	
32	0066	Hoàng Thị Thu Thùy	05/10/1997	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Lịch sử	Giỏi	GV LICH SU-THPTĐB		71.00	71.00	
33	0067	Vũ Thị Tuyền	28/11/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV LICH SU-THPTĐB		51.00	51.00	
34	0068	Nguyễn Thị Thùy Linh	06/07/2000	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	GV ANH-THPTYH		55.50	55.50	

Handwritten signature in red ink.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2023

KẾT QUẢ PHỎNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2023

Phòng số: 3

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	ĐUT	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0069	Bùi Thị Minh Khuê	16/11/2001	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-THPTTY	5.00	43.00	48.00	
2	0070	Bùi Thị Phước	10/10/1987	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-THPTTY	5.00			Bỏ thi
3	0071	Bùi Thị Hương	14/09/1994	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-THPTLAS	5.00	52.00	57.00	
4	0072	Nguyễn Thị Loan	16/06/1989	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TB	GV VAN-THPTLAS	5.00	60.00	65.00	
5	0073	Lê Thùy Linh	02/11/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-THPTQT		77.00	77.00	
6	0074	Khuong Văn Nam	05/10/1989	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	TB	GV HOA-THPTQT		30.00	30.00	
7	0075	Lâm Diệu Lanh	30/09/1995	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Địa lý	Giỏi	GV ĐỊA-THPTYH		50.00	50.00	
8	0076	Dương Thị Hương	02/02/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Giáo dục chính trị	Giỏi	GV GDCD-THPTYH		70.00	70.00	
9	0077	Bùi Thị Thỏa	08/12/1987	Nữ	Mường	2	ĐH	Giáo dục chính trị	Khá	GV GDCD-THPTYH	5.00	50.00	55.00	
10	0078	Lường Thị Thu	15/10/1992	Nữ	Tày	2	ĐH	Giáo dục chính trị	Khá	GV GDCD-THPTYH	5.00	80.00	85.00	
11	0079	Lê Thị Hiền	20/09/1987	Nữ	Kinh		Th.S	Ngữ văn		GV VAN-THPTCLC				Bỏ thi
12	0080	Nguyễn Quốc Hùng	28/07/1996	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPTCLC				Bỏ thi
13	0081	Nguyễn Thị Diệu Linh	18/08/2000	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPTCLC	5.00	23.50	28.50	
14	0082	Đặng Thị Loan	26/10/1995	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-THPTCLC		35.00	35.00	
15	0083	Phạm Thị Phương	20/12/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPTCLC		51.00	51.00	
16	0084	Bùi Viết Trường	09/06/1998	Nam	Mường	2	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-THPTCLC	5.00	64.50	69.50	
17	0085	Nguyễn Thị Hương Giang	13/10/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Giỏi	GV HOA-THPTTHH				Bỏ thi
18	0086	Nguyễn Thị Ngọc Lan	27/07/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Giỏi	GV HOA-THPTTHH		28.50	28.50	
19	0087	Trần Nhật Linh	07/08/2001	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Giỏi	GV HOA-THPTTHH		76.00	76.00	
20	0088	Tạ Thị Quỳnh	12/12/1998	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-THPTTHH				Bỏ thi
21	0089	Bùi Quỳnh Trang	25/05/1996	Nữ	Kinh	2	ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-THPTTHH	5.00	60.00	65.00	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2023

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2023

Phòng số: 3

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	ĐUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	ĐUT	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0090	Giang Quỳnh Anh	16/01/1992	Nữ	Mường	2	ĐH	Giáo dục công dân -	TBK	GV GD CD-THPT THH	5.00	25.00	30.00	
23	0091	Nguyễn Thị Loan	05/08/1989	Nữ	Kinh		ĐH	Giáo dục Công dân	Khá	GV GD CD-THPT THH		70.00	70.00	
24	0092	Quách Thành Vũ	03/09/1992	Nam	Mường	2	ĐH	Giáo dục chính trị	TB	GV GD CD-THPT THH	5.00	51.00	56.00	
25	0093	Bùi Mai Phương	10/03/1991	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV LỊCH SU-THPT LATC	5.00	44.00	49.00	
26	0094	Nguyễn Thị Xuân	24/09/1989	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV LỊCH SU-THPT LATC		40.00	40.00	
27	0095	Trần Thị Hồng Hạnh	24/11/1991	Nữ	Mường	2	ĐH	Giáo dục công dân	Khá	GV GD CD-CONGN	5.00	43.00	48.00	
28	0096	Nguyễn Khánh Linh	23/03/2001	Nữ	Kinh		ĐH	Giáo dục công dân	Giỏi	GV GD CD-CONGN		79.00	79.00	
29	0097	Nông Thị Nụ	08/06/1994	Nữ	Tày	2	ĐH	Giáo dục chính trị	TB	GV GD CD-CONGN	5.00	68.00	73.00	
30	0098	Trần Kim Oanh	25/08/1996	Nữ	Mường	2	ĐH	Giáo dục chính trị	Khá	GV GD CD-CONGN	5.00	85.00	90.00	
31	0099	Nguyễn Thị Thu Trang	18/08/1993	Nữ	Mường	2	ĐH	Giáo dục chính trị	Khá	GV GD CD-CONGN	5.00	50.00	55.00	
32	0100	Nguyễn Thị Hoa	18/12/1988	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-DTNTLT		70.00	70.00	
33	0101	Đinh Thị Thúy Mùi	10/09/1983	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TBK	GV VAN-DTNTLT				Bỏ thi
34	0102	Trần Huyền Trang	17/09/1997	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-DTNTLT		80.00	80.00	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2023

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2023

Phòng số: 4

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	ĐUT	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0103	Hoàng Xuân Trang	29/10/1999	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	NV GV-NTLUS	5.00	55.00	60.00	
2	0104	Bùi Văn Hùng	05/09/1991	Nam	Mường	2	ĐH	Giáo dục Chính trị	Khá	NV GV-NTCP	5.00	70.00	75.00	
3	0105	Xa Văn Thu	25/07/1991	Nam	Mường	2	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GVVAN THCS-NTBĐB	5.00	68.00	73.00	
4	0106	Hà Văn Long	20/11/2000	Nam	Mường	2	ĐH	Giáo dục chính trị	TB	GV THCS-NTBĐB	5.00	50.00	55.00	
5	0107	Hà Thị Thủy	13/02/1989	Nữ	Thái	2	ĐH	Thư viện và thiết bị	Khá	NV TBTN-NTAMC	5.00	58.00	63.00	
6	0108	Đinh Thị Thanh	26/09/1997	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Vật lý	Khá	NV TBTN-NTYT				Bỏ thi
7	0109	Bùi Thị Giang	17/09/1992	Nữ	Mường	2	ĐH	Kế toán	Khá	NVKT-THPTĐK	5.00	45.00	50.00	
8	0110	Màn Thị Nhường	27/10/1991	Nữ	Kinh	2	ĐH	Kế toán	Giỏi	NVKT-THPTĐK	5.00	45.00	50.00	
9	0111	Nguyễn Thị Thúy	26/02/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Kế toán	Khá	NVKT-THPTĐK		80.00	80.00	
10	0112	Đỗ Anh Đức	20/12/1992	Nam	Kinh		ĐH	Kế toán	TB	NVKT-THPTTY		20.00	20.00	
11	0113	Nguyễn Hồng Hạnh	26/10/1990	Nữ	Mường	2	ĐH	Kế toán	Khá	NVKT-THPTTY	5.00	50.00	55.00	
12	0114	Vũ Thị Oanh	12/11/1998	Nữ	Kinh		ĐH	Kế toán	Khá	NVKT-THPTTY		73.00	73.00	
13	0115	Hà Thị Kim Phụng	07/08/2000	Nữ	Tày	2	ĐH	Kế toán	Giỏi	NVKT-THPTBS	5.00			Bỏ thi
14	0116	Đỗ Xuân Trường	23/04/1990	Nam	Kinh		ĐH	Kế toán	TBK	NVKT-THPTBS		30.00	30.00	
15	0117	Bùi Thị Tuyết Nhung	10/10/1990	Nữ	Mường	2	CĐ	Khoa học thư viện	Khá	NV TV-THPTCH	5.00	50.00	55.00	
16	0118	Nguyễn Thanh Thảo	29/07/1999	Nữ	Kinh		ĐH	Kế toán	Giỏi	NVKT-THPTMC		65.00	65.00	
17	0119	Lương Thị Hòa	26/06/1989	Nữ	Tày	2	ĐH	Khoa học thư viện	Khá	NV TV-THPTYH	5.00	50.00	55.00	
18	0120	Quách Thu Hằng	19/08/1995	Nữ	Mường	2	ĐH	Ngành Luật	Khá	GV GD CD-TTGD TX LAS	5.00	75.00	80.00	
19	0121	Lê Tuấn Tú	06/11/1976	Nam	Kinh		ĐH	Kế toán	Khá	NVKT-YTB		20.00	20.00	
20	0122	Bùi Thị Linh	14/10/1992	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Vật lý	Khá	NV TBTN-LLQ	5.00			Bỏ thi
21	0123	Bùi Thị Luyến	19/01/1991	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Sinh học	Giỏi	NV TBTN-LLQ	5.00	41.50	46.50	



TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	ĐUT	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0124	Vũ Thị Chinh	25/01/1985	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GVTOAN-TTGDTXLaT		65.00	65.00	
23	0125	Bùi Thị Kim Oanh	16/04/1993	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GVTOAN-TTGDTXCP	5.00	85.00	90.00	
24	0126	Hoàng Thị Hồng Hường	20/11/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TBK	GV VAN-TTGDTXCP		50.00	50.00	
25	0127	Hoàng Thị Lưu	10/03/1987	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TBK	GV VAN-TTGDTXCP	5.00	85.00	90.00	
26	0128	Mã Thị Mến	02/10/1990	Nữ	Tày	2	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	Khá	GV VAN-TTGDTXCP	5.00	70.00	75.00	
27	0129	Bùi Thị Niềm	25/04/1992	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-TTGDTXCP	5.00	50.00	55.00	

Signature